

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05/2007/QĐ-UBND

Điện Biên Phủ, ngày 04 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về quản lý đầu tư Chương trình phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND-UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số: 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình Phát triển Kinh tế - Xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II);

Thông tư liên tịch số: 676/2006/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 08/8/2006 của liên bộ: Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Chương trình Phát triển Kinh tế - Xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Nghị quyết số: 74/2006/NQ-HĐND ngày 12/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định về quản lý đầu tư chương trình phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và Miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II tỉnh Điện Biên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý đầu tư Chương trình Phát triển Kinh tế - Xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số: 20/2002/QĐ-UB ngày 20/3/2002, Quyết định số: 64/2002/QĐ-UB ngày 01/11/2002 của UBND tỉnh Lai Châu (cũ) về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quyết định số: 20/2002/QĐ-UB ngày 20/3/2002 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý đầu tư xây dựng và phát triển Kinh tế - Xã hội các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lai Châu (cũ).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lò Mai Trinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý đầu tư chương trình phát triển Kinh tế - Xã hội các xã đặc biệt
khó khăn vùng đồng bào dân tộc và Miền núi giai đoạn 2006-2010
(Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
(Kèm theo Quyết định số: 05/2007/QĐ-UBND ngày 04/6/2007
của UBND tỉnh Điện Biên)**

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Các xã được phê duyệt tại Quyết định số: 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình Phát triển Kinh tế - Xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) và các xã, thôn, bản, buôn, làng, xóm, ấp (sau đây gọi là thôn bản) theo các Quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các thôn, bản đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu; dự án đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng.

Về chính sách hỗ trợ các dịch vụ cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý nâng cao nhận thức pháp luật, UBND tỉnh sẽ hướng dẫn sau khi có hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

Chương II

THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN VÀ CHÍNH SÁCH

Mục 1

DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Điều 3. Đầu tư hỗ trợ sản xuất.

1. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

2. Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, khuyến ngư.

3. Hỗ trợ trang thiết bị, máy công cụ vừa và nhỏ phục vụ chế biến, bảo quản sản phẩm nông, lâm sản sau thu hoạch.

4. Hỗ trợ xây dựng mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn.

Điều 4. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư hỗ trợ sản xuất, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Lập kế hoạch đầu tư:

1. Căn cứ kế hoạch vốn của dự án được bố trí hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định cụ thể mức vốn hỗ trợ cho từng nội dung, đối tượng thụ hưởng; đồng thời chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể các nội dung đầu tư, hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế để các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

2. Trên cơ sở kế hoạch vốn thực hiện dự án được giao, định mức hỗ trợ và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; UBND huyện phê duyệt dự toán cụ thể cho từng xã, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư để cùng phối hợp, giám sát thực hiện.

Mục 2

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾU YẾU

Điều 6. Đối tượng công trình đầu tư:

1. Công trình đầu tư tại xã.

a) Công trình giao thông từ xã đến thôn bản, liên thôn bản. Không sử dụng nguồn vốn của Chương trình 135 để đầu tư đường ô tô đến trung tâm xã.

b) Công trình thủy lợi nhỏ phục vụ trong phạm vi xã hoặc liên thôn bản.

c) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

d) Công trình điện từ xã đến thôn bản. Không sử dụng vốn của Chương trình 135 để đầu tư xây dựng công trình điện đến trung tâm xã.

e) Xây dựng mới, nâng cấp trường, lớp học tại trung tâm xã, đồng bộ cả trang thiết bị và công trình phụ trợ (bàn ghế học tập, điện, nước sinh hoạt, công trình phục vụ học sinh bán trú, nhà ở giáo viên); xây dựng lớp tiểu học, lớp mẫu giáo, nhà trẻ, nhà ở giáo viên, công trình phụ tại thôn bản nơi cần thiết.

f) Xây dựng mới, nâng cấp trạm y tế xã đồng bộ cả công trình phụ trợ điện, nước sinh hoạt, mua sắm trang thiết bị thiết yếu theo chuẩn hóa cơ sở y tế cấp xã.

g) Chợ: Chỉ hỗ trợ đầu tư công trình nhà lồng chợ và san tạo mặt bằng ban đầu dưới 5.000m².

h) Nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn bản có từ 50 hộ trở lên.

2. Công trình đầu tư tại thôn bản thuộc xã khu vực II.

a) Công trình giao thông từ thôn, bản đến trung tâm xã.

b) Công trình thủy lợi nhỏ: Xây dựng cống, đập, trạm bơm, kênh mương và công trình trên kênh mương trong phạm vi thôn bản... công trình thủy lợi khác có mức vốn dưới 500 triệu đồng.

c) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

d) Công trình điện từ xã đến thôn bản.

e) Xây dựng lớp tiểu học, mẫu giáo, nhà trẻ, nhà ở giáo viên, cả trang thiết bị bàn ghế, điện, nước sinh hoạt.

f) Nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn bản có từ 50 hộ trở lên.

Điều 7. Chủ đầu tư:

Công trình hạ tầng thuộc Chương trình 135 là công trình có quy mô nhỏ, xây dựng trong phạm vi xã, thôn bản; UBND tỉnh ủy quyền cho UBND huyện quyết định đầu tư công trình hạ tầng thuộc chương trình 135 giai đoạn II đầu tư trên địa bàn huyện. Việc giao chủ đầu tư công trình do UBND huyện quyết định tùy theo quy mô, tính chất công trình. Căn cứ điều kiện cụ thể của từng xã, UBND huyện có thể giao cho xã làm chủ đầu tư.

Điều 8. Quy hoạch xây dựng công trình cơ sở hạ tầng:

1. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng phù hợp với quy hoạch sản xuất và bố trí dân cư ở xã, thôn bản. Các công trình hạ tầng phải tính toán đầu tư có hiệu quả, phục vụ cho nhiều hộ dân sống tập trung, không được đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ở nơi dân cư sống quá phân tán, nhỏ lẻ.

2. UBND xã lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực lập quy hoạch xây dựng, thông qua HĐND xã trình UBND huyện phê duyệt. Vốn để lập quy hoạch được bố trí trong kế hoạch từ nguồn vốn ngân sách đầu tư cho Chương trình 135.

Điều 9. Lập kế hoạch đầu tư:

1. Vào quý II hàng năm trên cơ sở đối tượng được đầu tư quy định tại Điều 6 và danh mục công trình trong quy hoạch xây dựng của xã; UBND xã thông báo và tổ chức lấy ý kiến tham gia của nhân dân nơi được đầu tư, ý kiến tham gia của các tổ chức đoàn thể xã hội để lựa chọn danh mục, quy mô công trình trong quy hoạch theo thứ tự ưu tiên để tổng hợp đưa vào kế hoạch thực hiện năm sau, thông qua HĐND xã để báo cáo UBND huyện.

2. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư của các xã, UBND huyện tổng hợp danh mục công trình đầu tư của kế hoạch năm sau báo cáo Ban dân tộc, Sở kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở các chủ đầu tư tổ chức lập báo cáo kinh tế kỹ thuật. Vốn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật được bố trí trong kế hoạch từ nguồn vốn ngân sách đầu tư cho dự án thuộc Chương trình 135.

Điều 10. Thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình).

1. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn bản bao gồm công trình quy mô nhỏ không phải lập dự án đầu tư, chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình và phải đầu tư hoàn thành dứt điểm không quá 2 năm. Những công trình có mức vốn dưới

500 triệu đồng đã nằm trong quy hoạch thì báo cáo kinh tế kỹ thuật chỉ cần các nội dung: Tên công trình, tên chủ đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô công trình, nguồn vốn, thời gian thi công, thời gian hoàn thành và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán. Công trình có mức vốn trên 500 triệu đồng phải lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật theo quy định của luật Xây dựng.

2. Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình do chủ đầu tư lựa chọn đơn vị có tư cách pháp nhân, đủ năng lực thực hiện và trình UBND huyện thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Công trình có mức vốn trên 500 triệu đồng thì thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế kỹ thuật phải gửi cho các Sở chuyên ngành liên quan thẩm định, trước khi UBND huyện phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

Công trình có mức vốn dưới 500 triệu đồng thì chủ đầu tư tự thẩm định thiết kế bản vẽ thi công trước khi trình UBND huyện phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

3. Quản lý chi phí đầu tư công trình hạ tầng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số: 01/2006/TT-BXD ngày 7/5/2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình Phát triển Kinh tế - Xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010.

Điều 11. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán:

1. Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán, tổng dự toán và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp không đủ năng lực thực hiện thì thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện, năng lực để thẩm tra trước khi phê duyệt.

2. Đối với tất cả các công trình: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán phải được thẩm định, phê duyệt trước khi thi công.

Điều 12. Thực hiện đầu tư xây dựng công trình:

1. Việc thực hiện đầu tư xây dựng công trình tuân theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Nghị định số: 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình; Nghị định số: 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005; số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Đối với các công trình hạ tầng thuộc Chương trình 135, do tính đặc thù, một số quy định cụ thể thực hiện như sau:

2. Lựa chọn nhà thầu xây dựng:

a) Khuyến khích hình thức đấu thầu đối với tất cả các hoạt động xây dựng. Các trường hợp sau đây được áp dụng hình thức chỉ định thầu: Gói thầu về dịch vụ tư vấn xây dựng có giá dưới 500 triệu đồng; gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp có giá dưới 1 tỷ đồng thuộc dự án đầu tư phát triển; gói thầu mua sắm hàng hóa có giá dưới 100 triệu đồng thuộc dự án hoặc dự toán mua sắm thường xuyên.

b) Đối với khối lượng công việc chủ yếu sử dụng lao động thủ công, thì Chủ đầu tư có thể giao cho xã tự tổ chức thi công và tự chịu trách nhiệm nhằm tạo điều

kiện cho nhân dân tham gia lao động, tăng thêm thu nhập. Việc thực hiện hợp đồng và thanh toán cho dân có sự giám sát của Ban Giám sát xã.

c) Công trình do nhân dân trong xã tự làm được tạm ứng tối đa 50% kế hoạch vốn hàng năm của công trình; công trình do các doanh nghiệp thi công được tạm ứng tối đa 30% kế hoạch vốn hàng năm của công trình.

Mục 3

DỰ ÁN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CÁN BỘ XÃ, THÔN BẢN VÀ CỘNG ĐỒNG

Điều 13. Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng:

1. Công chức cấp xã, cán bộ chuyên trách và không chuyên trách cấp xã, cán bộ thôn bản theo quy định tại Nghị định số: 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

2. Cán bộ ở cấp trên tăng cường về giúp xã.

3. Các thành viên trong Ban Quản lý và Ban Giám sát xã.

4. Những người có uy tín trong cộng đồng của thôn bản.

5. Những người sản xuất giỏi có vai trò tích cực trong công tác xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn của xã và thôn bản.

6. Cán bộ nguồn trong diện quy hoạch của xã.

7. Thanh niên người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 16 - 25.

8. Cộng tác viên trợ giúp pháp lý cấp xã, thành viên câu lạc bộ trợ giúp ở xã.

Trong các đối tượng trên ưu tiên cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ.

Điều 14. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng:

1. Các chính sách phát triển Kinh tế - Xã hội vùng dân tộc và miền núi.

2. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình 135: Kiến thức về quản lý dự án đầu tư; giám sát đánh giá, báo cáo tổng hợp, thanh quyết toán... của các dự án và chính sách thuộc chương trình.

3. Kiến thức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, tín dụng cho người nghèo, mô hình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả để nâng cao kỹ năng phát triển sản xuất xóa đói, giảm nghèo.

4. Quy chế dân chủ ở cơ sở; vai trò của cộng đồng trong việc tham gia thực hiện chương trình (lập kế hoạch, giám sát đầu tư...); quy chế bảo vệ biên giới...

5. Hỗ trợ dạy nghề cho đồng bào người dân tộc thiểu số (thực hiện lồng ghép với thực hiện Quyết định số: 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, chỉ áp dụng đối với thanh niên trong độ tuổi từ 16 - 25).

6. Kiến thức pháp luật có liên quan.

Điều 15. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng.

Trên cơ sở tài liệu đào tạo, bồi dưỡng của Trung ương, của Tỉnh và tình hình thực tế của cơ sở, Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và các ngành, đơn vị có liên quan, biên tập thành bộ tài liệu sử dụng thống nhất trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, bản và cộng đồng.

Điều 16. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng.

1. Tập trung ngắn hạn tại các cơ sở đào tạo của huyện, tỉnh.
2. Bồi dưỡng tại chỗ: Phổ biến tại các cuộc họp, tập huấn, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh thôn bản.

Điều 17. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

1. Căn cứ nội dung và đối tượng đào tạo, bồi dưỡng UBND xã thống kê, phân loại trình độ, năng lực chuyên môn, lựa chọn những đối tượng và nguyện vọng đào tạo, bồi dưỡng tổng hợp báo cáo UBND huyện.

2. UBND huyện phân loại đối tượng, tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nhu cầu vốn, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng báo cáo UBND tỉnh, Ban Dân tộc và sở Nội vụ.

3. Ban Dân tộc chủ trì phối hợp cùng Sở Nội vụ tổ chức lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và dài hạn trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Kinh phí thực hiện dự án bố trí từ nguồn kinh phí hàng năm của chương trình. Việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được vận dụng theo một số nội dung chi phù hợp với loại hình đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Thông tư số: 79/2005/TT-BTC ngày 15/9/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước. Đối với công chức cấp xã và cán bộ không chuyên trách ở xã, ở thôn bản được cấp toàn bộ chi phí học tập, ăn ở, đi lại từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của chương trình; mức chi phí được vận dụng theo một số nội dung chi phù hợp quy định tại Thông tư số: 118/2004/TT-BTC ngày 08/12/2004 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập trong cả nước và Quyết định số: 17/2005/QĐ-UBND ngày 05/8/2005 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương III
SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 18. Nguồn vốn đầu tư.

Chương trình 135 giai đoạn II được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn.

1.1. Ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn vay và vốn viện trợ nước ngoài) đầu tư trực tiếp cho Chương trình 135.

1.2. Nguồn vốn huy động hợp pháp tại địa phương; nguồn hỗ trợ của các ngành, đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội và các địa phương khác đóng góp bằng tiền, vật tư, lao động; nguồn huy động tại chỗ của dân, chủ yếu là vật tư, lao động, không huy động bằng tiền mặt đối với hộ nghèo.

Điều 19. Sử dụng nguồn vốn đầu tư.

1. Tất cả các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho Chương trình 135 đều phải được quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước. Các nguồn vốn viện trợ, vốn vay đều tập trung vào ngân sách Nhà nước và cấp phát, thanh toán qua Kho bạc Nhà nước.

Các nguồn đóng góp bằng hiện vật, ngày công lao động cho các công trình 135 phải được cơ quan tài chính quy đổi ra đồng Việt Nam, lập lệnh ghi thu ngân sách, ghi chi cho Chương trình 135 gửi Kho bạc Nhà nước để hạch toán.

2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương chỉ được sử dụng chi hỗ trợ cho các dự án, chính sách theo các nội dung quy định tại chương II của quy định này.

3. Hình thức quản lý các nguồn vốn của các dự án thành phần của Chương trình 135 giai đoạn II theo 2 hình thức:

a) Hình thức quản lý vốn đầu tư: Áp dụng đối với dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất có tính chất đầu tư (xây dựng mô hình sản xuất, mua sắm trang thiết bị, máy móc) thực hiện theo Nghị định số: 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình; Nghị định số: 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005; Nghị định số: 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

b) Hình thức quản lý vốn sự nghiệp: Áp dụng đối với các nội dung còn lại của chương trình như: Chi khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng... được bố trí theo dự toán ngân sách hàng năm và quản lý như đối với chi thường xuyên theo qui định của luật ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ các quyết định phân bổ vốn của chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt theo từng địa bàn huyện, trên cơ sở nguồn vốn Bộ Tài chính chuyển hàng tháng, báo cáo kết quả thực hiện quý trước về số vốn đã chuyển tháng trước đó, Sở Tài chính cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện qua phòng Tài chính - Kế hoạch.

Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện thông báo hạn mức vốn đầu tư sang Kho bạc Nhà nước huyện thanh toán theo quy định hiện hành.

Căn cứ hình thức quản lý vốn đối với các nội dung công việc cụ thể, Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn theo các quy định ứng với từng hình thức quản lý vốn. Đối với các khoản chi vốn sự nghiệp, Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện cấp phát theo dự toán như đối với các khoản chi thường xuyên; đối với các dự án đầu tư, Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện kiểm soát, thanh toán theo cơ chế quản lý vốn đầu tư hiện hành.

5. Nguồn kinh phí chương trình do các huyện cấp phát và được quyết toán vào ngân sách các huyện theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục của mục lục ngân sách quy định hiện hành.

Dự án do UBND các huyện quyết định đầu tư thì việc quyết toán vốn đầu tư khi dự án kết thúc đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng do UBND các huyện thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

a) Quyết toán vốn đầu tư hàng năm:

Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm của chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 130/2003/QĐ-BTC ngày 18/8/2003; Quyết định số: 24/2006/QĐ-BTC ngày 06/4/2006 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước; Thông tư số: 10/2004/TT-BTC ngày 19/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và ngân sách các cấp; Thông tư số: 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, thẩm định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; Thông tư số: 101/2005/TT-BTC ngày 17/11/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách Nhà nước hàng năm.

b) Quyết toán vốn dự án, công trình hoàn thành:

Thực hiện đối với dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, dự án Hỗ trợ sản xuất (đầu tư xây dựng mô hình sản xuất, mua sắm trang thiết bị, máy móc) khi kết thúc xây dựng, hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đều phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số: 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư.

Kết thúc xây dựng, hoàn thành bàn giao công trình, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư gửi cơ quan tài chính cùng cấp chủ trì (phòng Tài chính - Kế hoạch), phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định trình UBND huyện phê duyệt quyết toán và gửi Ban Dân tộc, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình 135 Trung ương.

Chương IV

QUY TRÌNH TỔNG HỢP, GIAO VÀ BÁO CÁO KẾ HOẠCH

Điều 20. Quy trình xây dựng, tổng hợp và giao kế hoạch hàng năm được tiến hành đồng thời với quy trình lập kế hoạch chung theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhưng được báo cáo và giao thành một mục riêng trong kế hoạch hàng năm.

Điều 21. Những căn cứ xây dựng kế hoạch:

1. Kế hoạch đầu tư phải dựa trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục dự án, mục tiêu, nhiệm vụ đã được thể hiện trong quy hoạch.

2. Khả năng nguồn vốn Trung ương giao, nguồn bổ sung từ ngân sách địa phương, nguồn huy động đóng góp hợp pháp của cộng đồng, của các tổ chức xã hội, các tổ chức quốc tế tài trợ.

3. Báo cáo kết quả thực hiện của từng dự án trong năm.

4. Theo lĩnh vực vùng và đối tượng cần được ưu tiên của địa phương.

5. Nguồn vốn bố trí cho các dự án hàng năm phải đảm bảo các xã được đầu tư, nhưng không nhất thiết phân chia đều, tùy theo mức độ yêu cầu, khả năng chuẩn bị đầu tư và huy động nhân lực thực hiện của từng xã mà bố trí cho hợp lý.

Điều 22. Lập kế hoạch đầu tư và dự toán:

Theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hàng năm UBND các huyện lập kế hoạch đầu tư và dự toán chi thực hiện chương trình cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước gửi Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh.

Điều 23. UBND các huyện báo cáo tình hình thực hiện chương trình về UBND tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, theo chế độ định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm. Nội dung, biểu mẫu, quy trình báo cáo và chỉ tiêu giám sát đánh giá theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc. Riêng báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm của các huyện phải có biểu đối chiếu xác nhận vốn thanh toán của Kho bạc Nhà nước nơi cấp vốn thanh toán. Ngoài báo cáo chung, các cơ quan chuyên môn của huyện báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

Chế độ báo cáo tài chính thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 86/TT-BTC ngày 18/9/2006 của Bộ Tài chính. Các nội dung của dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất (đầu tư xây dựng mô hình, mua sắm trang thiết bị, máy móc) thực hiện theo chế độ báo cáo tháng, quý, năm còn thực hiện theo quy định tại Quyết định số: 1869/QĐ-BTC ngày 06/6/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế thông tin báo cáo về vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước trong nội bộ ngành Tài chính (theo các mẫu biểu số 02A/BC, 02B/BC; 03A/BC; 03B/BC).

Điều 24. Ban Dân tộc tổng hợp báo cáo Ủy ban Dân tộc (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương) theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Cấp tỉnh:

1. Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II (Thành lập theo Quyết định số: 1203/QĐ-UBND ngày 24/10/2006 của UBND tỉnh Điện Biên) có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng hiệu quả của chương trình.

2. Các ngành thành viên trong Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II.

3. Ban Dân tộc là cơ quan thường trực Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, xây dựng kế hoạch hàng năm; phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các huyện, các đơn vị thực hiện các nội dung thuộc Chương trình 135 giai đoạn II. Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Trung ương. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo 3 dự án thành phần của Chương trình:

a) Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu.

b) Dự án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng.

c) Chính sách Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trực tiếp quản lý, chỉ đạo dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất; định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh (Ban Dân tộc), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính soạn thảo quy trình hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư; soạn thảo quy trình hướng dẫn sử dụng, vận hành, duy tu bảo dưỡng các loại công trình sau đầu tư.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Xây dựng, Sở Tài chính xây dựng quy trình hướng dẫn trình tự lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; tổng hợp, lập kế hoạch đầu tư của chương trình báo cáo Ban Chỉ đạo trước khi trình UBND tỉnh.

7. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan lập dự toán chi thực hiện chương trình báo cáo Ban Chỉ đạo trước khi trình UBND tỉnh.

8. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo được sử dụng trong nguồn kinh phí của chương trình. Mức hỗ trợ hàng năm không quá 0,2% tổng kinh phí ngân sách Trung ương cấp.

Điều 26. Cấp huyện:

1. UBND huyện, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành thực hiện quy hoạch và kế hoạch hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II cấp huyện. để giúp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình trên địa bàn.

Nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đối với chương trình như sau:

a) Phòng Dân tộc là cơ quan thường trực ban chỉ đạo chương trình cấp huyện; có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch hàng năm, thống nhất với phòng Tài chính - Kế hoạch trình UBND huyện quyết định; định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình 135 cấp huyện, Ban Dân tộc tỉnh.

b) Phòng Kinh tế tham mưu cho chủ đầu tư quản lý, thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất; định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, phòng Dân tộc; chịu trách nhiệm về chất lượng hiệu quả công tác tham mưu triển khai thực hiện các dự án đầu tư, hỗ trợ.

c) Các phòng: Dân tộc, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Hạ tầng kinh tế giúp chủ đầu tư lập kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn lực tại xã trên địa bàn để tham gia thực hiện Chương trình; hướng dẫn các xã thực hiện quy chế quản lý, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư (do Sở Xây dựng ban hành).

3. Thành lập Ban Quản lý dự án để triển khai thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện không kiêm nhiệm Trưởng ban Quản lý dự án. Ban Quản lý dự án huyện được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện và có con dấu riêng (tùy điều kiện cụ thể từng huyện có thể giao cho Ban Quản lý dự án đã có của huyện thực hiện);

4. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo được sử dụng trong nguồn kinh phí của chương trình. Mức hỗ trợ hàng năm không quá 0,3% tổng kinh phí ngân sách trung ương cấp.

Điều 27. Cấp xã:

1. Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm thực hiện tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ trong việc triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn; phối hợp cùng ban giám sát của xã tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các dự án, chính sách đầu tư, hỗ trợ, tổ chức thực thi công đối với dự án do xã đảm nhận thi công, huy động nhân dân tham gia đóng góp đối với những công trình Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Khi công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, Chủ tịch UBND xã có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao công trình trên địa bàn và hướng dẫn nhân dân cách quản lý, sử dụng, quyền và nghĩa vụ của người hưởng lợi từ công trình.

2. UBNDTTQ cấp xã tổ chức hội nghị Thành lập Ban Giám sát của xã gồm các thành viên là đại diện của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Phụ nữ. Thành viên Ban Giám sát của xã không phải là người đương nhiệm trong Ủy ban nhân dân cấp xã. Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban Giám sát của xã để bầu Trưởng ban, Phó trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; Ra văn bản công nhận kết quả bầu Trưởng ban, Phó ban Giám sát của xã (hoặc xác nhận việc giải tán Ban Giám sát của xã), thông báo

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng và các chủ đầu tư có dự án trên địa bàn biết.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Giám sát xã:

a. Tham gia với chủ đầu tư về lựa chọn các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu của xã theo quy hoạch để ghi kế hoạch hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Giám sát quá trình thi công các công trình để đảm bảo chất lượng kỹ thuật và tiến độ thi công; kiến nghị với chủ dự án, chủ đầu tư đình chỉ thi công công trình khi xét thấy thi công không đảm bảo chất lượng.

c. Tham gia nghiệm thu các công trình trên địa bàn.

4. Kinh phí hoạt động của Ban Giám sát xã được tính bằng 1% của chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong chi phí đầu tư xây dựng công trình được duyệt.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Căn cứ quy định cụ thể này, Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh, UBND các huyện và các ngành chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện;

Điều 29. Trong quá trình áp dụng, nếu có vấn đề gì vướng mắc hoặc chưa phù hợp, đề nghị các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, các chủ đầu tư phản ánh về Ban Dân tộc để nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Lò Mai Trinh